CƠ CẤU VÀ XU HƯỚNG THU HÚT FDI TẠI CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO: HÀM Ý ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN NGÀNH KINH TẾ

ThS. Chitlatda Champaphanh* - PGS.TS. Nguyễn Tiến Long - TS. Nguyễn Thị Thu Hà****

Nghiên cứu này phân tích cơ cấu và xu hướng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 2020–2024, đồng thời đánh giá mức độ phù hợp giữa phân bổ FDI theo ngành và cơ cấu kinh tế quốc dân. Trên cơ sở dữ liệu thứ cấp từ các nguồn thống kê chính thức, nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả kết hợp tính bình quân trọng số để xác định tỷ trọng FDI và GDP của từng ngành trong cả giai đoạn. Kết quả cho thấy sự lệch pha đáng kể: FDI tập trung vào dịch vụ (60,72%) và nông nghiệp (23,13%), trong khi khu vực công nghiệp đóng góp hơn 42,19% GDP chỉ nhận 16,15% FDI. Điều này phản ánh đặc điểm phân bổ vốn chưa phù hợp với mục tiêu công nghiệp hóa. Nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm về "độ lệch phân bổ", đồng thời gợi mở nhu cầu điều chỉnh chính sách thu hút FDI theo hướng chất lượng và gắn với phát triển cơ cấu ngành kinh tế.

• Từ khóa: *FDI; cơ cấu ngành kinh tế; chuyển dịch cơ cấu; Lào; phân bổ theo ngành.*

This study analyzes the structure and trends of attracting foreign direct investment (FDI) into the Lao People's Democratic Republic during the period 2020–2024, and assesses the degree of alignment between FDI allocation by sector and the national economic structure. Based on secondary data from official statistical sources, the study uses a descriptive method combined with weighted averages to determine the proportion of FDI and GDP of each sector throughout the period. The results show a significant mismatch: FDI is concentrated in services (60.72%) and agriculture (23.13%), while the industrial sector, contributing over 42.19% of GDP, only receives 16.15% of FDI. This reflects a capital allocation characteristic that is not aligned with the goal of industrialization. The study provides empirical evidence of "allocation mismatch" and suggests the need to adjust FDI attraction policies towards quality and alignment with the development of the economic sector structure.

• Key words: *FDI; economic structure; structural transformation; Laos; distribution by sector.*

Ngày nhận bài: 25/7/2025
Ngày gửi phản biện: 05/12/2025
Ngày duyệt đăng: 05/01/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i305.21

1. Giới thiệu

Chuyển dịch cơ cấu ngành đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng dài hạn, đặc biệt tại các nền kinh tế đang phát triển như Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, nơi nguồn lực trong nước về vốn, công nghệ và quản trị còn hạn chế. Trong bối cảnh đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được xem là kênh hỗ trợ thiết yếu cho hiện đại hóa và tái cơ cấu.

Nghiên cứu quốc tế cho thấy FDI có thể thúc đẩy tái phân bổ nguồn lực và gia tăng năng suất (Escobar & Mühlen, 2018; Kida, 2017), nhưng hiệu quả phụ thuộc đáng kể vào cấu trúc ngành và mức độ phụ thuộc tài nguyên của nền kinh tế (Gnangnon & Iyer, 2017). Tại Lào, hội nhập khu vực thúc đẩy dòng vốn FDI (Outtanasith & Srithilat, 2022), song tác động lan tỏa còn hạn chế: FDI làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập (Vanthana & Lau, 2016), đóng góp vào tăng trưởng nhưng chưa phản ánh mức độ phù hợp theo ngành (Vilayvanh, Deng & Keoudone, 2025), và chủ yếu cải thiện năng lực đổi mới ở cấp doanh nghiệp thay vì tái cấu trúc ở cấp vĩ mô (Souvanhxay, Kamil, Aaqil & Ke, 2025).

Giai đoạn 2020-2024, FDI lũy kế của Lào tăng từ 12,95 tỷ USD lên 13,80 tỷ USD, song phân bổ theo ngành cho thấy sự lệch pha đáng kể so với cơ cấu GDP. Dịch vụ chiếm 60-61% FDI nhưng chỉ đóng góp 42-44% GDP; nông nghiệp nhận 22,7-23,3% FDI trong khi đóng góp 14-15% GDP; còn công nghiệp - khu vực chiếm 41-43% GDP chỉ thu hút 15,8-16,3% FDI. Dòng FDI mới biến động mạnh giữa các ngành: công nghiệp chiếm 99,96% năm 2020, dịch vụ 81,59% năm 2022, nông nghiệp 67,23% năm 2023 và dịch vụ 88,76% năm 2024. Những khác biệt này cho thấy dòng FDI chưa ổn định và có khả năng không phù hợp với cấu trúc ngành của nền kinh tế.

Mặc dù có nhiều nghiên cứu bàn về tác động của FDI đối với tăng trưởng, bất bình đẳng hay đổi mới sáng tạo, chưa có nghiên cứu nào đánh

** Văn Phòng Ủy Ban Hợp Tác Lào - Việt Nam, Bộ Tài chính Lào; NCS*
*** Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, ĐH Thái Nguyên; Tác giả liên hệ: email: ntthuha@tueba.edu.vn*

giá định lượng mức độ phù hợp giữa phân bổ FDI theo ngành và cơ cấu kinh tế của Lào-một khoảng trống có ý nghĩa quan trọng đối với hoạch định chính sách công nghiệp hóa.

Do đó, nghiên cứu này phân tích cơ cấu và xu hướng FDI giai đoạn 2020-2024 và đối chiếu trực tiếp với cơ cấu GDP theo phương pháp bình quân trọng số nhằm lượng hóa "độ lệch phân bổ" giữa FDI và vai trò kinh tế của từng ngành, từ đó đánh giá mức độ FDI hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu và đề xuất hàm ý chính sách phù hợp.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế mô tả - so sánh với trọng tâm là phân tích cơ cấu, quy mô và xu hướng thu hút FDI tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 2020-2024, đồng thời đánh giá mức độ phù hợp giữa phân bổ FDI theo ngành và cơ cấu GDP. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn thống kê chính thức gồm Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Trung ương Lào, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) và Tổng cục Thống kê Lào. Các bộ dữ liệu bao gồm FDI đăng ký mới, FDI lũy kế, phân bổ FDI theo ngành và theo quốc gia đầu tư, cùng với GDP và cơ cấu GDP theo ngành theo từng năm.

Để đảm bảo tính nhất quán, toàn bộ dữ liệu được chuẩn hóa theo đơn vị tiền tệ gốc và kiểm tra sai khác giữa các nguồn. Quy trình phân tích gồm ba bước.

Thứ nhất, nghiên cứu tổng hợp và mô tả biến động FDI nhằm nhận diện xu hướng ngắn hạn và dài hạn.

Thứ hai, để khắc phục sai lệch do quy mô GDP và FDI thay đổi qua thời gian, tỷ trọng của từng ngành được tính bằng bình quân trọng số theo công thức:

$$\overline{s_i} = \frac{\sum_{t=1}^{T} s_{it} X_t}{\sum_{t=1}^{T} X_t}$$

Trong đó:

$\overline{s_i}$: tỷ trọng bình quân trọng số của ngành i trong giai đoạn;
s_{it}: tỷ trọng của ngành i trong năm t;
X_t: là quy mô GDP hoặc tổng FDI lũy kế của năm t;
T: số năm của giai đoạn nghiên cứu (5 năm);
t: từng năm trong giai đoạn.

Cách tiếp cận này cho phép phản ánh đúng vai trò tương đối của từng năm và tránh sai lệch khi sử dụng bình quân đơn giản.

Bước thứ ba, nghiên cứu đối chiếu trực tiếp tỷ trọng FDI và tỷ trọng GDP theo ngành. Vì cả hai đều biểu thị đóng góp tương đối của ngành trong hai cấu trúc khác nhau, việc so sánh và tính chênh lệch giữa chúng là phù hợp để xác định mức độ lệch pha phân bổ (allocation mismatch). Chênh lệch dương phản ánh ngành thu hút FDI nhiều hơn tương quan với vai trò kinh tế, trong khi chênh lệch âm cho thấy mức FDI thấp hơn so với mức đóng góp GDP. Phương pháp đối chiếu này được sử dụng phổ biến trong các nghiên cứu cơ cấu kinh tế và đánh giá phân bổ nguồn lực của ADB, WB và UNCTAD.

Kết quả tính toán được tổng hợp thành bảng đối chiếu FDI-GDP theo ngành, từ đó đánh giá mức độ FDI hỗ trợ tái cơ cấu và công nghiệp hóa tại Lào. Mặc dù phương pháp mô tả - so sánh giúp phản ánh rõ cấu trúc phân bổ, nghiên cứu thừa nhận hạn chế về thời gian quan sát ngắn (2020-2024) và chưa phân tích sâu các tiểu ngành, do đó chưa giải thích được quan hệ nhân-quả giữa FDI và chuyển dịch cơ cấu.

3. Kết quả nghiên cứu

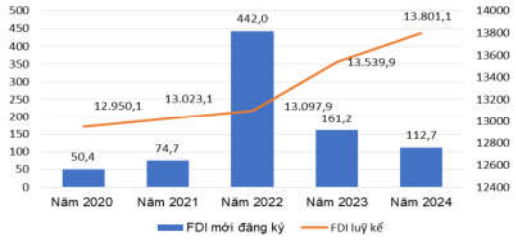
3.1. Quy mô và cơ cấu dòng vốn FDI vào Lào

Dữ liệu giai đoạn 2020-2024 cho thấy dòng vốn FDI vào Lào có hai đặc điểm nổi bật: (i) quy mô vốn lũy kế tăng đều qua các năm, phản ánh vai trò ngày càng lớn của khu vực FDI trong nền kinh tế; và (ii) cơ cấu FDI theo ngành, theo quốc gia và theo địa phương thể hiện mức độ tập trung cao và có sự khác biệt đáng kể so với cơ cấu kinh tế quốc gia.

Quy mô FDI mới và FDI lũy kế

Tổng vốn FDI lũy kế tăng từ 12.950 triệu USD năm 2020 lên 13.801 triệu USD năm 2024, tương đương tăng 851 triệu USD trong bốn năm. FDI mới hàng năm dao động mạnh, từ mức thấp 50,4 triệu USD năm 2020 lên mức đỉnh 442 triệu USD năm 2022, sau đó giảm còn 112,7 triệu USD năm 2024.

Hình 1. Quy mô FDI mới đăng ký và lũy kế giai đoạn 2020-2024 (triệu USD)



Nguồn: Cục Xúc tiến đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, 2025

Hình 1 cho thấy FDI lũy kế tại Lào duy trì xu hướng tăng liên tục trong giai đoạn 2020-2024, từ

12,95 tỷ USD lên 13,80 tỷ USD. Mức tăng không lớn nhưng ổn định, phản ánh vai trò bền vững của khu vực FDI trong tổng vốn đầu tư của nền kinh tế. Ngược lại, FDI đăng ký mới biến động mạnh qua các năm: giảm xuống mức rất thấp năm 2020, tăng đột biến năm 2022, rồi giảm trở lại vào năm 2024. Sự khác biệt giữa xu hướng ổn định của vốn lũy kế và biến động của vốn mới cho thấy dòng FDI vào Lào chịu tác động đáng kể từ các dự án quy mô lớn đơn lẻ, hơn là một dòng vốn đều đặn qua các năm. Điều này hàm ý rằng tác động dài hạn của FDI đối với cơ cấu kinh tế chủ yếu xuất phát từ vốn lũy kế, còn biến động của FDI mới phản ánh đặc điểm ngắn hạn và thiếu ổn định của môi trường thu hút đầu tư.

Cơ cấu vốn FDI theo ngành kinh tế của Lào

Cơ cấu FDI theo ngành kinh tế giai đoạn 2020-2024 thể hiện một bức tranh ổn định nhưng mất cân đối rõ rệt giữa ba khu vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Dữ liệu FDI lũy kế cho thấy dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, tiếp đến là nông nghiệp, trong khi công nghiệp duy trì mức thấp nhất trong toàn bộ giai đoạn nghiên cứu.

Bảng 1. Giá trị FDI lũy kế theo ngành kinh tế tại Lào, 2020-2024 (Triệu USD)

STT	Ngành	2020	2021	2022	2023	2024
1	Nông nghiệp	3020,07	3042,66	3044,24	3071,89	3180,26
2	Công nghiệp	2047,56	2097,98	2140,85	2194,57	2247,40
3	Dịch vụ	7882,45	7882,47	7912,76	8273,43	8373,43
	Tổng	**12950,08**	**13023,1**	**13097,85**	**13539,89**	**13801,09**

Nguồn: Cục Xúc tiến đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, 2025

Bảng 2. Tỷ trọng FDI lũy kế theo ngành kinh tế (%)

STT	Ngành	2020	2021	2022	2023	2024
1	Nông nghiệp	23,32	23,36	23,24	22,69	23,05
2	Công nghiệp	15,81	16,11	16,35	16,21	16,28
3	Dịch vụ	60,87	60,53	60,41	61,1	60,67
	Tổng	**100,00**	**100,00**	**100,00**	**100,00**	**100,00**

Nguồn: Cục Xúc tiến đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, 2025

Bảng 1 và Bảng 2 cho thấy cơ cấu FDI lũy kế theo ngành giai đoạn 2020-2024 tương đối ổn định nhưng mất cân đối rõ rệt giữa nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

Dịch vụ luôn là khu vực chi phối, với giá trị FDI lũy kế tăng từ khoảng 7,88 tỷ USD lên 8,37 tỷ USD, tương ứng tỷ trọng 60-61% tổng FDI. Điều này cho thấy nhà đầu tư ưu tiên các lĩnh vực dịch vụ thâm dụng vốn như năng lượng, tài chính, thương mại, bất động sản và logistics, gắn với nhu cầu phát triển hạ tầng và dịch vụ đô thị của Lào.

Nông nghiệp duy trì giá trị FDI lũy kế quanh 3,02-3,18 tỷ USD, chiếm 22-23% tổng FDI, cao hơn đáng kể so với tỷ trọng của nông nghiệp trong GDP (khoảng 14-15%). Cơ cấu này phản ánh vai trò của các dự án nông - lâm nghiệp, thủy điện và sử dụng đất quy mô lớn, gắn với lợi thế tài nguyên thiên nhiên.

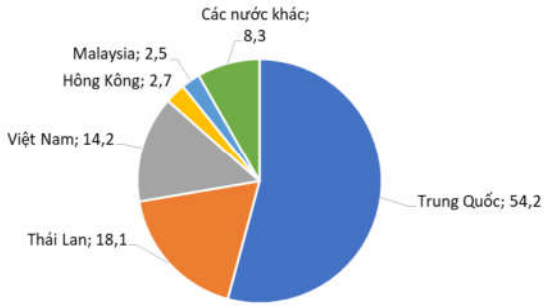
Công nghiệp có FDI lũy kế tăng dần từ 2,05 tỷ USD lên 2,25 tỷ USD, nhưng tỷ trọng chỉ quanh 16%, thấp hơn rất xa so với đóng góp của công nghiệp trong GDP (trên 40%). Điều này hàm ý FDI chưa thực sự trở thành động lực phát triển công nghiệp chế biến - chế tạo và công nghiệp hỗ trợ, vốn là nền tảng của quá trình công nghiệp hóa.

Nhìn tổng thể, FDI tại Lào tập trung vào dịch vụ và các ngành thâm dụng tài nguyên, trong khi lĩnh vực có tiềm năng nâng cao năng suất dài hạn là công nghiệp lại thu hút vốn thấp hơn tương đối.

Cơ cấu vốn FDI theo quốc gia đầu tư và vùng lãnh thổ tại Lào

Về cơ cấu theo đối tác, dữ liệu giai đoạn 2012-2024 (Hình 2) cho thấy FDI vào Lào tập trung rất cao vào một số quốc gia lân cận. Trung Quốc, Thái Lan và Việt Nam chiếm hơn 86% tổng vốn FDI: Trung Quốc dẫn đầu với 54,2%, chủ yếu trong năng lượng, khai khoáng và hạ tầng giao thông (gắn với sáng kiến BRI); Thái Lan chiếm 18,1%, tập trung vào thủy điện và bất động sản; Việt Nam đóng góp 14,2%, chủ yếu trong ngân hàng, viễn thông và nông nghiệp. Các nhà đầu tư từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Đài Loan chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ (dưới 10%), cho thấy Lào chưa khai thác mạnh các dòng vốn công nghệ cao.

Hình 2: Cơ cấu FDI theo quốc gia đầu tư, giai đoạn 2012-2024 (%)



Nguồn: Bộ Kế hoạch và đầu tư Lào, 2024

Về phân bố không gian, FDI tập trung chủ yếu ở một số địa phương trọng điểm (Bảng 3). Thủ đô Vientiane thu hút 58,44% tổng vốn FDI, Luangprabang 17,66%, Savannakhet 13,93%, trong khi toàn bộ các tỉnh còn lại chỉ nhận khoảng 10%. Cấu trúc này cho thấy FDI chủ yếu gắn với

các trung tâm đô thị, hạ tầng tương đối phát triển, và các dự án quy mô lớn. Đồng thời, sự tập trung không gian của FDI cũng góp phần lý giải tại sao vốn đầu tư lại nghiêng mạnh về dịch vụ và các ngành liên quan đến tài nguyên, thay vì phân bổ rộng hơn cho công nghiệp chế biến - chế tạo trên cả nước.

Bảng 3: FDI vào Lào theo khu vực địa phương từ năm 2012-2024 (%)

TT	Tỉnh Thành	Vốn đầu tư nước ngoài (USD)	Tỷ lệ (%)
1	Thủ đô Vientiane	12834,78	58,44
2	Tỉnh Luangprabang	3878,55	17,66
3	Tỉnh Savannakhet	3059,35	13,93
4	Các tỉnh còn lại	2189,83	9,97
	Tổng	**21962,51**	**100,00**

Nguồn: Bộ Kế hoạch và đầu tư Lào, 2024

3.2. Cơ cấu ngành kinh tế của Lào

Cơ cấu kinh tế của Lào trong giai đoạn 2020-2024 duy trì sự ổn định tương đối giữa ba khu vực: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Dữ liệu GDP theo giá hiện hành cho thấy công nghiệp và dịch vụ là hai khu vực đóng góp lớn nhất vào quy mô nền kinh tế, trong khi nông nghiệp giữ vai trò hỗ trợ quan trọng đối với khu vực nông thôn.

Bảng 4: Cơ cấu GDP của Lào theo ngành kinh tế, 2020-2024 (%)

Năm	Nông nghiệp (%)	Công nghiệp (%)	Dịch vụ (%)
2020	15,0	41,2	43,8
2021	14,83	42,47	42,7
2022	14,88	43,04	42,08
2023	14,81	42,56	42,63
2024	14,14	41,69	44,17

Nguồn: Tổng Cục Thông kê Trung Ương Lào, 2025

Cơ cấu GDP của Lào giai đoạn 2020-2024 duy trì tương đối ổn định giữa ba khu vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Nông nghiệp chỉ đóng góp khoảng 14-15% GDP, tăng nhẹ về quy mô từ 18.404 tỷ LAK năm 2020 lên 20.986 tỷ LAK năm 2024 nhưng giảm về tỷ trọng do tốc độ tăng thấp hơn toàn nền kinh tế.

Công nghiệp là một trong hai khu vực trụ cột, chiếm 41-43% GDP, với quy mô tăng từ 50.580 tỷ LAK lên 61.911 tỷ LAK. Đây là khu vực đóng góp lớn nhất trong phần lớn giai đoạn, chủ yếu nhờ năng lượng, khai khoáng và xây dựng.

Dịch vụ duy trì tỷ trọng tương đương công nghiệp, khoảng 42-44% GDP, và tăng mạnh trong năm 2024, đạt 65.595 tỷ LAK (44,2%). Sự mở rộng của thương mại, du lịch và các dịch vụ đô thị giúp khu vực này trở thành động lực quan trọng của tăng trưởng.

Nhìn chung, cơ cấu ngành của Lào ổn định qua thời gian, với sự cân bằng tương đối giữa công nghiệp và dịch vụ, trong khi nông nghiệp giữ vai trò nhỏ hơn. Đặt trong tương quan với cơ cấu FDI, có thể thấy sự lệch pha rõ rệt: công nghiệp - khu vực chiếm hơn 40% GDP - chỉ thu hút khoảng 16% FDI lũy kế; trong khi các ngành dịch vụ và tài nguyên nhận tỷ trọng FDI cao hơn nhiều so với đóng góp của chúng trong GDP. Mối quan hệ này được phân tích chi tiết trong mục tiếp theo.

3.3. Đối chiếu cơ cấu FDI và cơ cấu ngành kinh tế của Lào

Đối chiếu cơ cấu FDI theo ngành với cơ cấu GDP theo ngành cho phép đánh giá mức độ phù hợp giữa phân bổ nguồn vốn đầu tư nước ngoài và cấu trúc kinh tế của Lào. Trên cơ sở tỷ trọng bình quân trọng số giai đoạn 2020-2024, kết quả cho thấy sự sai lệch đáng kể giữa hai cấu trúc, qua đó phản ánh mức độ chưa đồng bộ giữa định hướng thu hút FDI và vai trò kinh tế của từng ngành.

Bảng 5: Đối chiếu cơ cấu FDI và cơ cấu GDP theo ngành, giai đoạn 2020-2024

Ngành kinh tế	FDI (%)	GDP (%)	Δ (điểm %)	Diễn giải
Nông nghiệp	23,13	14,71	+ 8,42	FDI cao hơn tỷ trọng GDP; phản ánh các dự án thâm dụng đất đai và tài nguyên.
Công nghiệp	16,15	42,19	-26,04	FDI thấp hơn đáng kể so với đóng góp GDP; công nghiệp chế biến - chế tạo chưa được hỗ trợ bởi FDI.
Dịch vụ	60,72	43,09	+ 17,63	FDI tập trung vào dịch vụ thâm dụng vốn và thị trường đô thị.

Ghi chú: Δ được tính bằng FDI (%) trừ GDP (%). Tỷ trọng FDI và GDP được tính theo bình quân trọng số giai đoạn 2020 - 2024.

Kết quả đối chiếu cho thấy FDI phân bổ theo hướng khác biệt đáng kể so với vai trò của các ngành trong cơ cấu GDP.

Thứ nhất, khu vực dịch vụ là nơi thu hút FDI nhiều nhất với tỷ trọng bình quân 60,72%, vượt mức đóng góp GDP của ngành (43,09%). Điều này phản ánh xu hướng FDI tập trung vào các ngành dịch vụ thâm dụng vốn như bất động sản, tài chính, thương mại và logistics. Mặc dù sự gia tăng đầu tư vào dịch vụ có thể hỗ trợ phát triển hạ tầng đô thị, cơ cấu dịch vụ hiện tại vẫn thiên về các hoạt động có giá trị gia tăng trung bình, do đó hiệu quả lan tỏa chưa tương xứng với quy mô vốn tiếp nhận.

Thứ hai, khu vực công nghiệp - vốn chiếm 42,19% GDP - chỉ thu hút 16,15% FDI. Đây là mức chênh lệch âm lớn nhất trong ba khu vực. Điều này cho thấy FDI chưa hướng vào các lĩnh vực có vai trò then chốt đối với nâng cao năng suất như công nghiệp chế biến - chế tạo và công nghiệp hỗ trợ. Hạn chế này làm giảm khả năng

tạo tác động lan tỏa công nghệ và kìm hãm quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

Thứ ba, khu vực nông nghiệp nhận tỷ trọng FDI cao hơn mức đóng góp GDP (23,13% so với 14,71%). Tuy nhiên, tỷ trọng FDI lớn này chủ yếu đến từ các dự án thủy điện, nông - lâm nghiệp và khai thác tài nguyên mang tính thâm dụng đất và vốn. Do giá trị gia tăng thấp, mức FDI cao không phản ánh mức đóng góp tương ứng vào GDP, qua đó hạn chế tác động cải thiện năng suất của khu vực này.

Kết quả phân tích cho thấy cơ cấu FDI tại Lào chưa phù hợp với cơ cấu ngành kinh tế. FDI tập trung chủ yếu vào dịch vụ và nông nghiệp trong khi khu vực công nghiệp - động lực quan trọng đối với tăng trưởng dài hạn - lại chưa nhận được dòng vốn tương xứng. Sự lệch pha này cho thấy định hướng thu hút FDI của Lào chưa hỗ trợ hiệu quả cho mục tiêu tái cơ cấu và công nghiệp hóa, đồng thời đặt ra yêu cầu cần điều chỉnh chính sách theo hướng tăng cường thu hút FDI vào các ngành có giá trị gia tăng cao và khả năng lan tỏa lớn.

4. Kết luận và kiến nghị giải pháp

Nghiên cứu đã phân tích quy mô, cơ cấu và xu hướng thu hút FDI vào Lào giai đoạn 2020-2024, đồng thời đối chiếu trực tiếp với cơ cấu ngành kinh tế thông qua tỷ trọng bình quân trọng số. Kết quả cho thấy tồn tại độ lệch phân bổ đáng kể giữa FDI và vai trò kinh tế của từng ngành: FDI bình quân giai đoạn nghiên cứu tập trung mạnh vào dịch vụ (60,72%) và nông nghiệp (23,13%), trong khi công nghiệp - khu vực đóng góp 42,19% GDP - chỉ tiếp nhận 16,15% FDI. Điều này phản ánh sự chưa tương thích giữa định hướng thu hút FDI hiện nay và mục tiêu chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa của Lào.

Từ những phát hiện này, nghiên cứu đề xuất một số định hướng chính sách:

Thứ nhất, cần điều chỉnh chiến lược thu hút FDI theo hướng ưu tiên lĩnh vực công nghiệp chế biến - chế tạo và các ngành có giá trị gia tăng cao. Việc áp dụng bộ tiêu chí sàng lọc dự án dựa trên mức độ đóng góp vào chuỗi giá trị sẽ góp phần nâng cao chất lượng dòng vốn.

Thứ hai, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư thông qua đơn giản hóa thủ tục, tăng minh bạch trong quản lý và nâng cao năng lực thẩm định dự án. Đây là nền tảng quan trọng để hướng dòng vốn FDI vào các lĩnh vực có hiệu quả lan tỏa lớn.

Thứ ba, đẩy mạnh phát triển hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, bao gồm giao thông, logistics và năng lượng tại những khu vực có tiềm năng công nghiệp. Việc hình thành các khu, cụm công nghiệp chuyên ngành sẽ nâng cao khả năng hấp thụ FDI công nghệ cao.

Thứ tư, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI và khu vực doanh nghiệp trong nước thông qua phát triển nhà cung cấp nội địa, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực. Cơ chế liên kết này giữ vai trò then chốt trong việc tạo giá trị gia tăng và nâng cao năng suất quốc gia.

Thứ năm, rà soát và điều chỉnh ưu đãi FDI theo hướng tập trung vào các ngành chiến lược, đồng thời hạn chế ưu đãi với các dự án thâm dụng tài nguyên hoặc giá trị gia tăng thấp, qua đó khuyến khích phân bổ nguồn vốn phù hợp hơn với định hướng phát triển kinh tế.

Tổng thể, nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết phải định hướng lại cơ cấu FDI theo hướng chất lượng, phù hợp với mục tiêu nâng cao năng suất và hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phân tích theo cấp độ tiểu ngành, theo chuỗi giá trị hoặc theo đặc điểm công nghệ của dự án FDI, cũng như khai thác sâu hơn các mô hình định lượng để đánh giá tác động lan tỏa của dòng vốn này đối với quá trình công nghiệp hóa của Lào.

Tài liệu tham khảo:

Ngân hàng phát triển Châu Á (2023). Key indicators for Asia and the Pacific 2023: Lao PDR country tables. Manila: Asian Development Bank.

Ngân hàng phát triển Châu Á (2025). Asian development outlook 2025: Lao People's Democratic Republic. Manila: Asian Development Bank.

Ngân hàng Trung Ương Lào (2023). Annual report 2023. Vientiane: Bank of the Lao P.D.R.

Ngân hàng Trung Ương Lào (2024). Annual report 2024. Vientiane: Bank of the Lao P.D.R.

Escobar, O., & Mühlen, H. (2018). The role of FDI in structural change: Evidence from Mexico. Hohenheim Discussion Papers in Business, Economics and Social Sciences, 22-2018. University of Hohenheim.

Gnangnon, S. K., & Iyer, H. (2017). Structural economic vulnerability, trade policy and FDI inflows. Journal of International Commerce, Economics and Policy, 8(1), 1-35. https://doi.org/10.1142/S1793993317500011

Investment Promotion Department, Ministry of Planning and Investment. (2024). Investment Promotion Department annual report 2024. Vientiane: Ministry of Planning and Investment.

Kida, N. M. (2017). The impact of FDI on the structure of the Kosovo economy. European Journal of Economics and Business Studies, 3(1), 124-135. https://doi.org/10.26417/ejes.v3i1.p124-135

Lao Statistics Bureau. (2023). National socio-economic indicators 2023. Vientiane: Ministry of Planning and Investment.

Lao Statistics Bureau. (2024). Statistical yearbook of the Lao PDR 2024. Vientiane: Ministry of Planning and Investment.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào (2024). FDI by sector and partner country, 2012-2024. Vientiane: Ministry of Planning and Investment.

Outtanasith, S., & Srithilat, K. (2022). The impact of AFTA on trade openness and foreign direct investment: Empirical evidence from Lao PDR. International Journal of Science and Business, 16(1), 142-152.

Souvanhxay, P., Kamil, M., Aaqil, M., & Ke, X. (2025). Assessing innovation capability, innovation types, and its impact on innovation performance in FDI enterprises: Configurational recipes for Laos. SAGE Open, 15(3), 1-15. https://doi.org/10.1177/21582440251

United Nations Conference on Trade and Development. (2025). World investment report 2025: International investment in the digital economy. Geneva: United Nations.

United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific. (2023). Lao PDR country profile: Economic structure and investment trends. Bangkok: UNESCAP.

Vanthana, N., & Lau, S. Y. (2016). Inequality in Laos and the role of FDI. International Journal of Economic Policy in Emerging Economies, 9(3), 226-247. https://doi.org/10.1504/IJEPEE.2016.078861

Vilayvanh, S., Deng, A., & Keoudone, K. (2025). Foreign direct investment, exports, and labor force: An ARDL analysis of economic growth in Laos. International Journal of Science and Business, 45(1), 30-43.

Ngân hàng Thế giới (2024). World development indicators: Value added by sector (% of GDP) - Lao PDR (IS.AGR.ZS; IS.IND.ZS; IS.SRV.ZS). Washington, D.C.: The World Bank Group.